



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG XIII/2017**



HÀ NỘI, THÁNG I/2018

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XII/2017.....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	3
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	8
8. Vùng Tây Nguyên	9
9. Vùng Nam Bộ.....	10
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XII/2017.....	12
1. Đối với cây lúa	12
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	15
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG I-III NĂM 2018	17
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XII/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng XII/2017 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-1,3^{\circ}\text{C}$ đến $1,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN từ 20mm – 711mm, một số nơi ven biển Bắc Trung Bộ (Vinh đến Kỳ Anh), Đà Nẵng và vùng núi Bảo Lộc (Tây Nguyên) có lượng mưa thấp hơn TBNN từ -63mm đến -35mm. (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -93 giờ đến -10 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -14% đến 5%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng XII/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

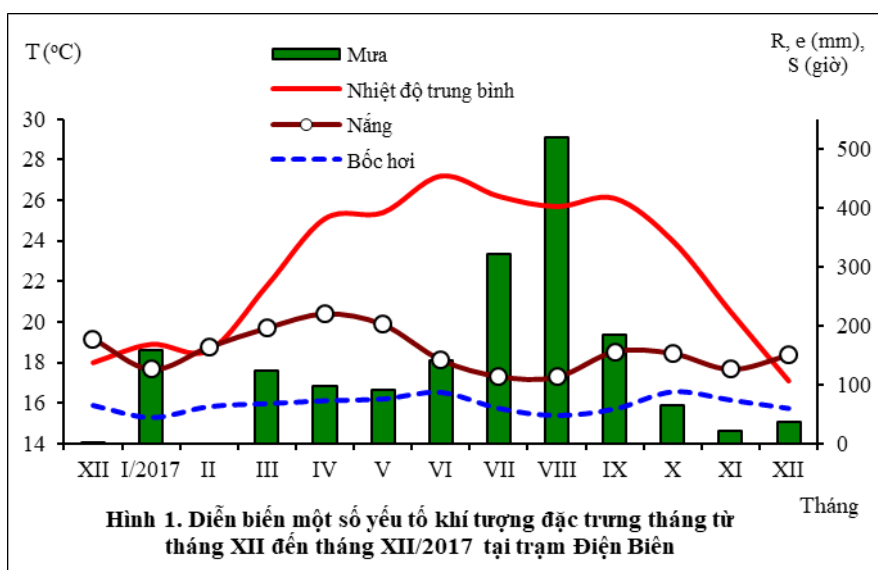
1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-1,3$ đến $1,3^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $10,7^{\circ}\text{C}$ đến $17,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $7,7^{\circ}\text{C}$ đến $15,3^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $-0,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 21/XII tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $15,6^{\circ}\text{C}$ đến $24,0^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $30,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 13/XII tại Điện Biên. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Điện Biên

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XII/2017 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ 21mm – 80mm, lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN từ 10mm – 68mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất khu vực Lai Châu phổ biến từ 10mm đến 38mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 16 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 15 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng XII/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -63 giờ đến -10 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 52 giờ đến 159 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XII/2017 dao động từ 69% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -14% đến 4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 19% xảy ra vào ngày 20/XII tại Lạc Sơn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng XII/2017 có giá trị phổ biến từ 27mm đến 81mm, cao nhất là 90mm tại Cò Nòi. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-28mm đến 51mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 8mm.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng XII/2017 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-1,0⁰C đến 0,5⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 9,4⁰C đến 17,7⁰C

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 7,0⁰C đến 15,72⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 1,45⁰C xảy ra vào ngày 21/XII tại SaPa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 12,60⁰C đến 21,4⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 27,2⁰C xảy ra vào ngày 4/XII tại Lục Yên.

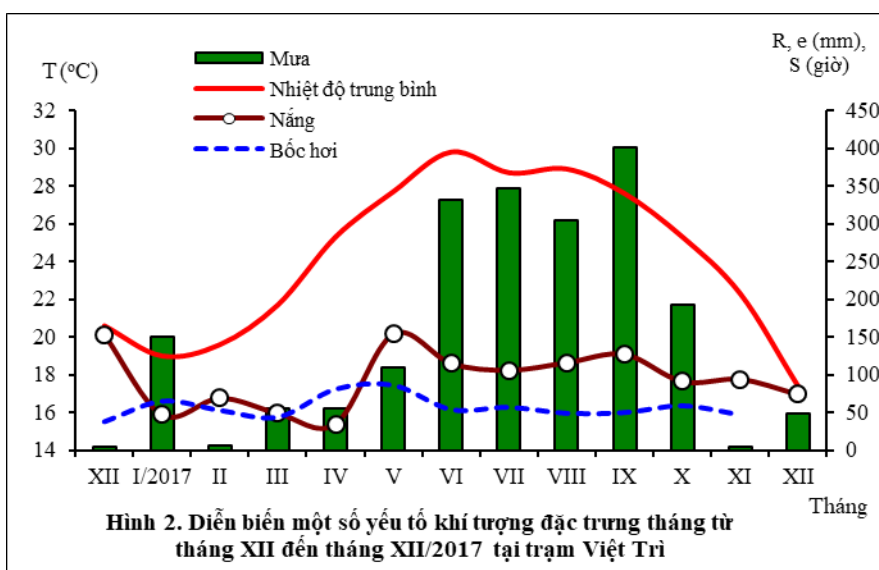
2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 21mm đến 80mm; cao nhất là 101mm tại Phú Hộ, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN từ 10mm đến 76mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10mm đến 35mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 6 - 22 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 9 đến 14 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 59 giờ đến 149 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-46 giờ đến -10 giờ) (hình 12).



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Việt Trì

- Độ ẩm

không khí trung bình tháng XII/2017 phổ biến từ 73 đến 91%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 4%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 14%, xảy ra vào ngày 20/XII tại Than Uyên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 24mm đến 84mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-52mm đến 49mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 6mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 đến 8 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

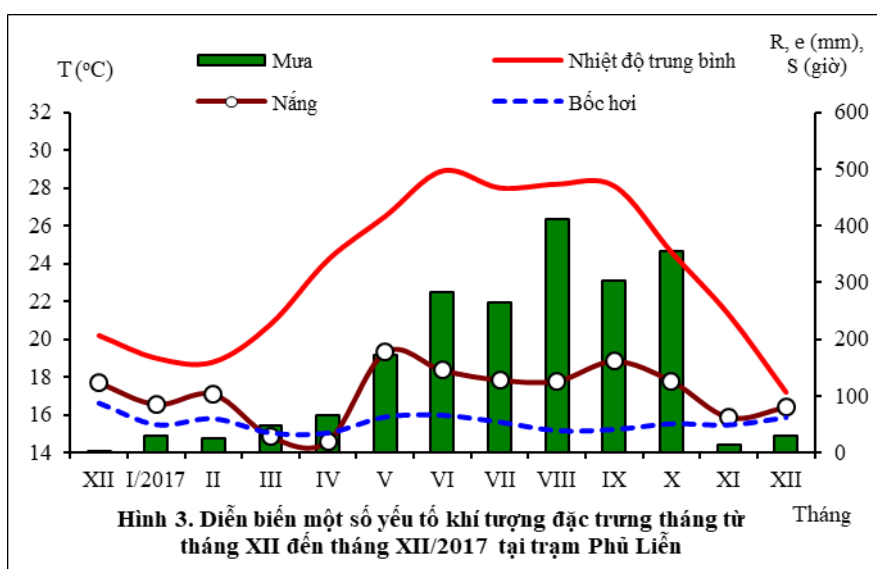
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-1,1 đến -0,3°C); có giá trị dao động từ 12,5°C đến 17,7°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 16,6⁰C đến 21,1⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 27,5⁰C xảy ra vào các ngày 3/XII tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 9,7⁰C đến 15,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 2,0⁰C xảy ra vào ngày 19/XII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng XII/2017 dao động phổ biến từ 22mm đến 54mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (10mm đến 33mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 8 đến 24mm.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Phù Liên

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 - 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 18 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng XII/2017 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-95 giờ đến -15 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 60 giờ đến 101 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XII/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 69 đến 84%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 5%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 7% xảy ra vào ngày 25/XII tại Lục Ngạn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 42mm đến 101mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (10mm đến 73mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 8mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 6 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 17,0⁰C đến 18,1⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -0,9⁰C đến -0,4⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình tháng từ 20,1⁰C đến 21,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 26,0⁰C xảy ra vào ngày 4/XII tại Sơn Tây;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 14,9⁰C đến 16,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 7,5⁰C xảy ra vào ngày 20/XII tại Nho Quan. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

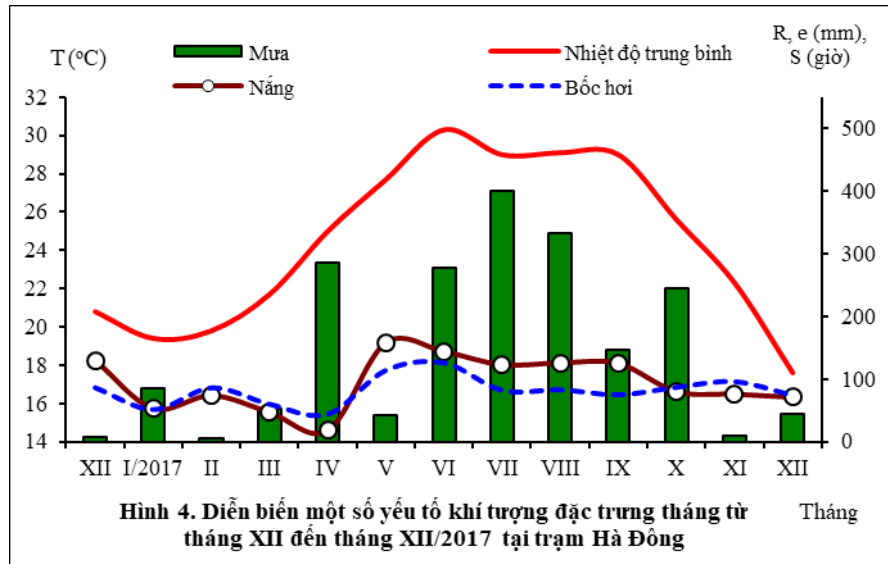
- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 11mm đến 43mm, (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 17mm đến 61mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 7 đến 22mm, cao nhất là 26mm xảy ra ngày 28/XII tại Sơn Tây; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 12 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 67 giờ đến 85 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -62 giờ đến -33 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 70% đến 80%, phổ biến ở mức xấp xỉ



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII năm 2017 đến tháng XII năm 2017 tại trạm Hà Đông

hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-11% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 20% xảy ra vào ngày 20/XII tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 52mm đến 87mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 20mm đến 65mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

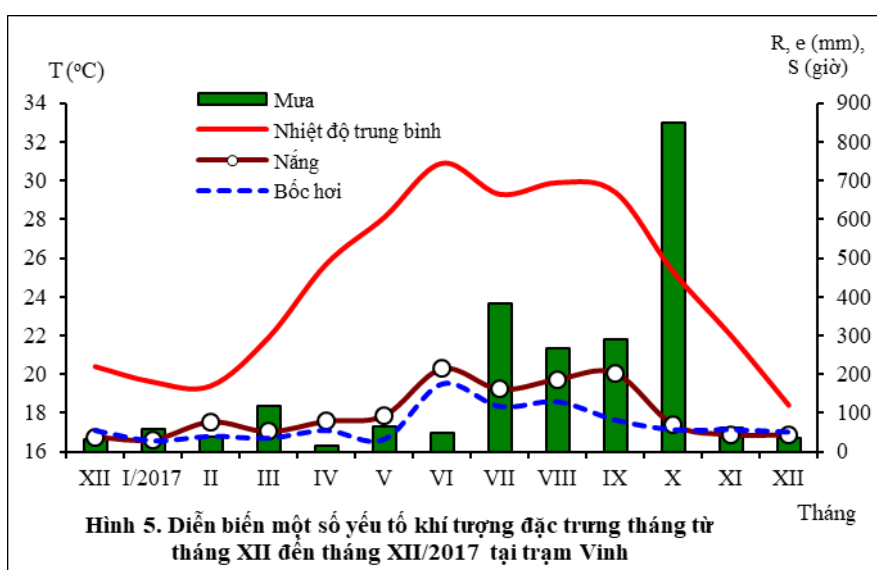
- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 11 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ $-0,8^{\circ}\text{C}$ đến $-0,3^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $17,2^{\circ}\text{C}$ đến $18,9^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $19,8^{\circ}\text{C}$ đến $21,9^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $27,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 4/XII tại Hội Xuân.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $14,8^{\circ}\text{C}$ đến $17,2^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $5,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 20/XII tại Tây Hiếu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng XII/2017, ngoài khu vực vùng ven biển (Hà Tĩnh, Kỳ Anh) có lượng mưa từ 104mm đến 142mm còn các khu vực khác thuộc Bắc Trung Bộ dao động phổ biến 19mm đến 81mm, tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -63mm đến 21mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 7 đến 24mm, cao nhất là 32mm xảy ra vào ngày 31/XII tại Kỳ Anh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 - 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 12 ngày.

Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 26 đến 74 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -90 giờ đến -34 giờ, hình 12).

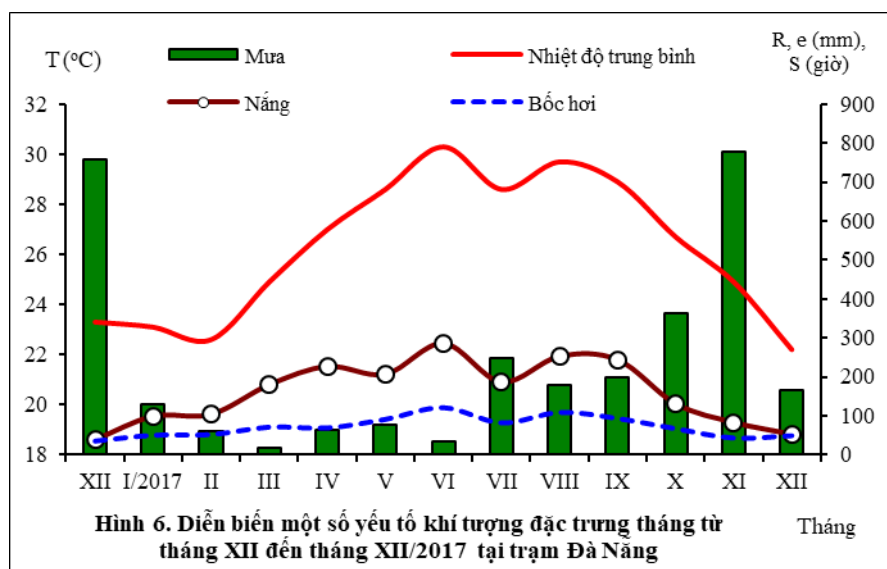
- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-6% đến -2%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 17% xảy ra vào ngày 20/XII tại Quy Hợp.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 30mm đến 73mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-83mm đến 49mm).

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2017 từ $17,7^{\circ}\text{C}$ đến $22,7^{\circ}\text{C}$, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-0,8^{\circ}\text{C}$ đến $0,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Có thể thấy được biến



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Đà Nẵng

trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $19,7^{\circ}\text{C}$ đến $25,3^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $29,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/XII tại Ba Tơ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $16,0^{\circ}\text{C}$ đến $21,0^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ thấp nhất là $8,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 20/XII tại Tuyên Hóa.

6.2. Diễn biến về mưa

- Ngoại trừ khu vực Đà Nẵng có lượng mưa tháng thấp hơn TBNN (-35mm) còn các khu vực khác lượng mưa cao hơn TBNN từ 20mm đến 131mm. Lượng mưa tháng phổ biến từ 95mm đến 431mm, cao nhất là 826mm tại Ba Tơ.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 22 mm đến 95mm, cao nhất là 181mm xảy ra ngày 2/XII tại Ba Tơ.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 15 đến 29 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 17 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng XII đến tháng XII/2017 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 15 giờ đến 65 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-62 giờ đến -24 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 20/XII tại Ba Đồn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 13mm đến 76mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 8mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-418mm đến -54mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện 6 ngày tại Khe Sanh.

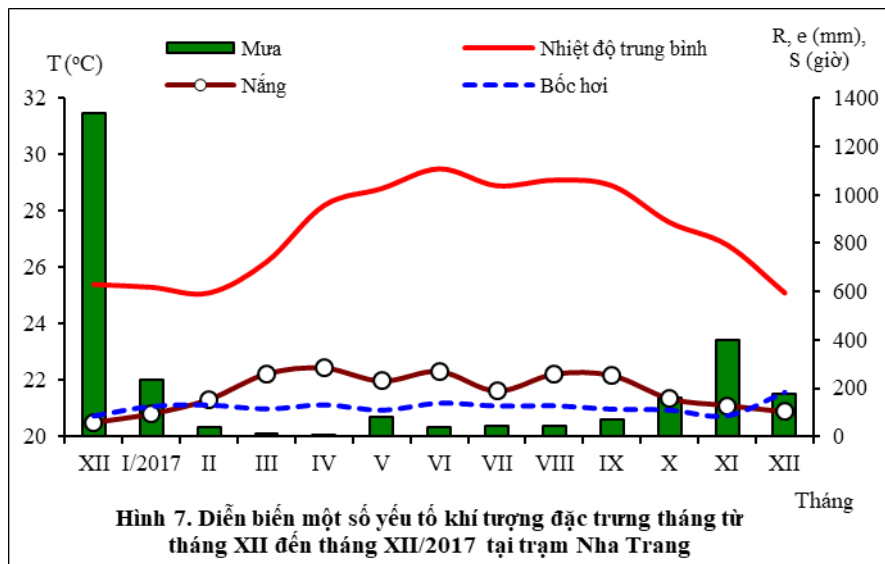
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2017 từ 22,9⁰C đến 26,3⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3 đến 1,2⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 25,4⁰C đến 30,5⁰C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 32,5⁰C xảy ra vào ngày 17/XII tại Phan Thiết.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,2⁰C đến 24,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 17,7⁰C, xảy ra vào ngày 20/XII tại Hoài



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Nha Trang

Nhon. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng XII đến tháng XII/2017 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng XII/2017, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 175mm đến trên 571mm, thấp nhất là 5mm xảy ra tại Phan Thiết. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 150mm đến 193mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 45mm đến 141mm, cao nhất là 201mm xảy ra vào ngày 3/XII tại Hoài Nhơn.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 4 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 5 đến 13 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 95 giờ đến 209 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-47 giờ đến -22 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -4% đến -2% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 44% xảy ra vào ngày 19/XII tại Cam Ranh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 16mm đến 184mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 6 đến 12mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-245mm đến 123mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 2 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2017 từ 17,3⁰C đến 23,7⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,2C đến 1,4⁰C (hình 10).

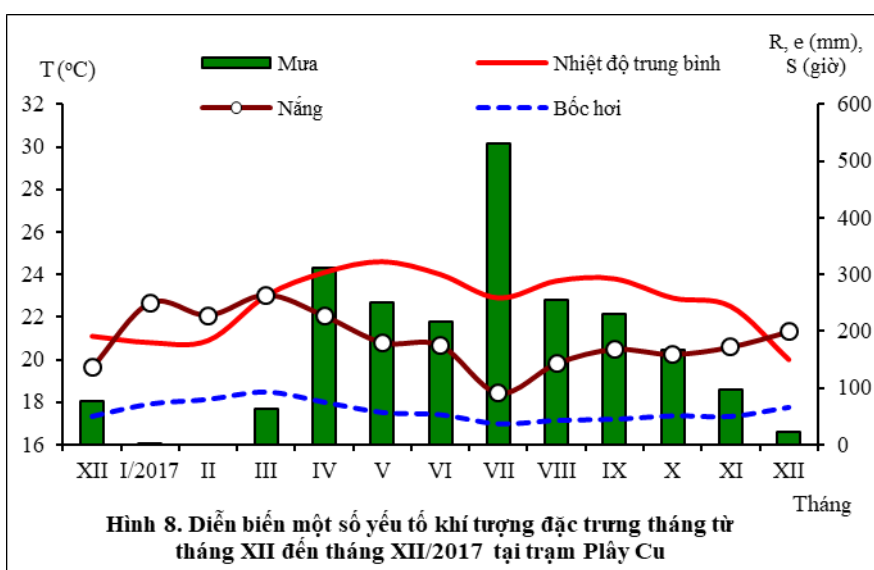
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 21,7⁰C đến 27,0⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 31,2⁰C xảy ra vào ngày 14/XII tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,6 đến 21,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 8,6⁰C xảy ra vào ngày 19/XII tại Đắc Tô. Có thể xem

diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XII/2017 dao động từ 2mm đến 111mm, cao nhất là 490mm tại M'Drack và 481mm tại An Khê. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -61mm đến 34mm).



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Plây Cu

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 446mm, cao nhất là 249mm xảy ra vào ngày 2/XII tại M'Drack. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 4 đến 23 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 23 đến 12 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 22 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2017 phổ biến từ 64 giờ đến 230 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-70 giờ đến -13 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 5% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 71% đến 89%; độ ẩm không khí thấp nhất là 38% xảy ra vào ngày 10/XII tại Đà Lạt.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 42mm đến 126mm, cao nhất là 133mm tại Liên Khương. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng cao hơn giá trị lượng mưa (24mm đến 117mm).

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2017 từ 24,9°C đến 27,4°C phổ

biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

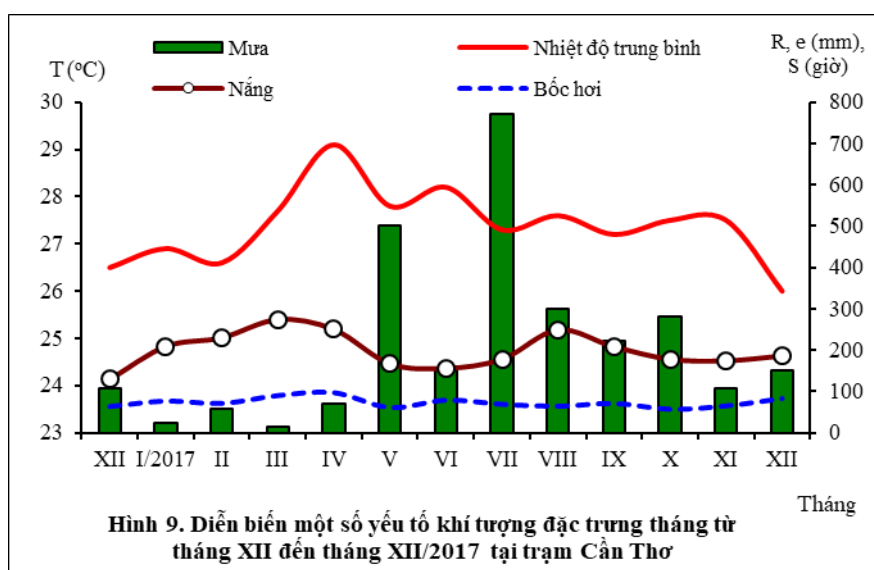
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $28,1^{\circ}\text{C}$ đến $32,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $35,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 8/XII tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $21,0^{\circ}\text{C}$ đến $24,9^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $17,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 18/XII tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XII/2017 dao động phổ biến từ 16mm đến 211mm. Ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (20mm đến 149mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2017 tại trạm Cần Thơ

6mm đến 44mm, cao nhất là 54mm xảy ra vào ngày 4/XII tại Mộc Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 4 đến 15 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 18 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2017 phổ biến từ 120 giờ đến 234 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-69 giờ đến -22 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 68% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -7% đến 4% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 17/XII tại Đồng Phú.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 64mm đến 139mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm; lượng bốc hơi tháng ở mức dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng (-107mm đến 90mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 22 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XII/2017

Điều kiện khí tượng trong tháng XII/2017 không hoàn toàn thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nhiệt độ xuống thấp ở miền Bắc; lượng mưa ít; số giờ nắng rất thấp, đặc biệt ở miền Trung. Tuy nhiên do phần lớn các địa phương vẫn đang trong thời kỳ chuyển vụ nên không bị ảnh hưởng nhiều.

Trong tháng XII/2017, các địa phương miền Bắc tập trung chăm sóc và thu hoạch một số cây vụ đông trồng sớm, tiếp tục cày lật đất, gieo mạ và tích cực chuẩn bị các yếu tố cần thiết cho vụ sản xuất đông xuân 2017-2018. Các tỉnh miền Nam tiếp tục thu hoạch lúa mùa và thu đông, rau màu vụ mùa và tập trung xuống giống đại trà lúa đông xuân.

Nhìn chung, trong năm 2017, thời tiết có những biến đổi bất thường gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. Mưa lớn trên diện rộng gây ngập úng, sạt lở đất, thậm chí là vỡ đê bao tại một số địa phương phía Bắc; Lũ về sớm và lên nhanh khiến nhiều diện tích lúa tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long không thể xuống giống; đồng thời nhiệt độ trung bình cao hơn so với các năm gần đây khiến nhiều loại dịch bệnh phát sinh nên đã tác động không nhỏ đến kế hoạch gieo trồng và sự sinh trưởng, phát triển cũng như năng suất của các loại cây trồng.

Diện tích gieo trồng lúa cả năm ước đạt 7,72 triệu ha, giảm 26,1 nghìn ha và bằng 99,7% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 55,5 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha và bằng 99,6%. Do diện tích và năng suất đều giảm nên sản lượng lúa cả năm 2017 ước đạt 42,8 triệu tấn, giảm 318,3 nghìn tấn, bằng 99,3%; trong đó sản lượng lúa tại khu vực ĐBSCL đạt 23,7 triệu tấn, giảm 103,7 nghìn tấn, tương đương giảm 0,4%.

1. Đối với cây lúa

- *Lúa hè thu*: Diện tích gieo trồng lúa hè thu cả nước đạt 2.106,3 nghìn ha, năng suất ước đạt 54,5 tạ/ha, sản lượng đạt gần 11,5 triệu tấn. Ngoại trừ năng suất và sản lượng lúa hè thu của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giảm do ảnh hưởng của mưa bão và sâu bệnh, thì năng suất và sản lượng lúa tăng đều ở các vùng, trong đó năng suất vùng ĐBSCL đạt 54,8 tạ/ha, tăng 1,0 tạ/ha; sản lượng đạt 9,05 triệu tấn, tăng 37,2 nghìn tấn, tăng 0,4%.

Mặc dù thời tiết thuận lợi hơn cùng kỳ, không còn hạn hán và nhiễm mặn nhưng kết quả sản xuất lúa vụ hè thu tại các tỉnh ĐBSCL không tăng. Diện tích lúa hè thu 2017 tại vùng ĐBSCL đạt 1.651,5 nghìn ha, giảm 23,0 nghìn ha, bằng 98,6% cùng kỳ. Diện tích lúa hè thu giảm là do một số địa phương chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản, trồng cây lâu năm và không sản xuất để điều chỉnh lịch thời vụ như Kiên Giang, Cà Mau, Long An, Trà Vinh, Bến Tre...

- *Lúa mùa*: Thời tiết không thuận lợi và sâu bệnh là những nguyên nhân chính làm kết quả sản xuất lúa mùa 2017 kém hơn cùng kỳ. Diện tích lúa mùa 2017 đạt 1,76 triệu ha, năng suất ước đạt 46,4 tạ/ha, giảm 1,4 tạ/ha; sản lượng ước đạt 8,2 triệu tấn. Tại các địa phương phía Bắc: Diện tích gieo trồng ước đạt 1.133,9 nghìn ha, giảm 18,7 nghìn ha so với năm trước; năng suất ước đạt 46,1 tạ/ha, giảm 3,8 tạ/ha; sản lượng ước đạt 5,23 triệu tấn, giảm 527,1 nghìn tấn. Diện tích giảm do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, và ảnh hưởng thời tiết. Trong đó: 1,9 nghìn ha không thể gieo trồng do mưa bão đầu vụ. Năng suất, sản lượng lúa giảm do mưa dông trên diện rộng vào đúng thời kỳ xuống giống và kết hạt, thu hoạch, đồng thời sâu bệnh hoành hành, đặc biệt là bệnh lùn sọc đen lây lan gây hại suốt thời kỳ sinh trưởng của lúa. Trong đó kết quả sản xuất của vùng ĐBSH giảm sâu nhất trong 5 năm gần đây do ảnh hưởng nặng nề của 2 cơn bão liên tiếp số 10 và 11. Sản lượng toàn vùng ĐBSH đạt 2,5 triệu tấn, giảm 455,8 nghìn tấn. Tại các địa phương phía Nam: Diện tích lúa mùa 2017 đạt 629,6 nghìn ha, năng suất đạt 47,0 tạ/ha. Trong đó, vùng ĐBSCL đạt 236,1 nghìn ha, năng suất đạt 43,7 tạ/ha, sản lượng đạt 1,0 triệu tấn. Sản lượng lúa tại các tỉnh phía Nam tăng trở lại do một số tỉnh không còn bị ảnh hưởng thiên tai đã trở lại sản xuất bình thường như Ninh Thuận tăng 29,3 nghìn tấn, Bình Thuận tăng 16,9 nghìn tấn, Đắk Lắk tăng 17,6 nghìn tấn, Tây Ninh tăng 9,6 nghìn tấn,...

- *Lúa thu đông*: Tại các tỉnh ĐBSCL, diện tích lúa thu đông gieo cấy ước đạt 769,4 nghìn ha, năng suất đạt 52,2 tạ/ha, sản lượng đạt 4,02 triệu tấn. Diện tích lúa thu đông 2017 giảm mạnh ở một số tỉnh như Đồng Tháp giảm 15,1 nghìn ha, An Giang giảm 17,8 nghìn ha do các tỉnh này chủ động xả lũ vào ruộng để tăng cường lượng phù sa, nhằm làm cho đất màu mỡ giảm dịch bệnh cho vụ sau.

- *Lúa đông xuân*: Do chuyển đổi diện tích gieo trồng và ảnh hưởng sâu bệnh nên cả diện tích, năng suất, sản lượng lúa đông xuân 2017 đều giảm. Diện tích gieo cấy lúa đông xuân 2017 đạt 3.077,4 nghìn ha, giảm 5,7 nghìn ha so với vụ đông xuân năm trước. Trong đó, các địa phương phía Bắc đạt 1.144,1 nghìn ha, giảm 12,1 nghìn ha; các địa phương phía Nam đạt 1.933,3 nghìn ha, tăng 6,4

nghìn ha. Năng suất lúa đông xuân đạt 62,2 tạ/ha, giảm 0,7 tạ/ha; Sản lượng đạt 19,1 triệu tấn, giảm 259,0 nghìn tấn, tương đương giảm 1,3%. Sản lượng lúa đông xuân giảm nhiều ở các tỉnh:

+ Hà Tĩnh, giảm 86,8 nghìn tấn do thời tiết diễn biến phức tạp, mưa ẩm, sương mù làm cho bệnh đạo ôn cổ bông phát sinh gây hại nặng trên diện rộng với hơn 20,8 nghìn ha lúa bị thiệt hại nặng (thiệt hại từ 30-70% là 7,6 nghìn ha, thiệt hại trên 70% là 13,2 nghìn ha);

+ Đồng Tháp giảm 165,8 nghìn tấn do trong giai đoạn đòng trổ đến thu hoạch có mưa kéo dài, sương mù, gió lốc gây đổ ngã làm giảm năng suất;

+ Long An giảm 96,5 nghìn tấn do chuột, sâu, bệnh phát sinh nhiều; mưa, giông vào giai đoạn lúa trổ bông - chín làm đổ ngã;

+ Cần Thơ giảm 59,1 nghìn tấn do ảnh hưởng của mưa đông trái mùa diễn ra ở thời điểm lúa đang trổ, chín và thu hoạch làm cho nhiều diện tích lúa bị đổ ngã.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng XII/2017

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn	Kém	TB	
2		Điện Biên	Lúa đông xuân mọc mầm	Kém		
3		Văn Chấn	Lúa đông xuân gieo đến mọc mầm	Trung bình	Quá ẩm	
4		Tuyên Quang	Chuyển vụ			
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa đông xuân lá thứ năm	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Chuyển vụ			
7		Bắc Giang	Chuyển vụ			
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn	Ngừng sinh trưởng		
9		Ba Vì	Chè lớn	Ngừng sinh trưởng		
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Chuyển vụ			
11		Hoài Đức	Cam ra lá mới	Kém	Tương đối khô	
12		Hải Dương	Lúa đông xuân mọc mầm	Trung bình	3cm	
13			Khoai lang củ già	Khá	Tương đối khô	
14		Hưng Yên	Chuyển vụ			
15		Nam Định	Chuyển vụ			

16		Ninh Bình	Chuyển vụ			
17		Thái Bình	Chuyển vụ			
18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc thu hoạch			
19		Thanh Hoá	Lúa đông xuân lá thứ 3	TB	Quá ẩm	
20		Quỳnh Lưu	Chuyển vụ			
21		Đô Lương	Chuyển vụ			
22	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa đông xuân mọc mầm	TB	3cm	
23		An Nhơn	Lúa đông xuân cây	TB	4cm	
24	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê ra nụ	Tốt	TB	
25	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê đâm chồi	TB	Tương đổi khô	
26		Trà Nóc	Lúa đông xuân lá thứ 3	Khá	3cm	
27		Mỹ Tho	Lúa mùa thu hoạch, chín hoàn toàn	TB	3cm	
28		Bạc Liêu	Chuyển vụ			

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Thời điểm đầu vụ Đông thời tiết diễn biến thất thường, có nhiều cơn mưa với cường độ lớn và kéo dài trên diện rộng do ảnh hưởng của hai cơn bão liên tiếp số 7 và số 8, đúng thời điểm bà con nông dân các tỉnh phía Bắc làm đất, gieo trồng hoa màu vụ Đông 2017, khiến diện tích hoa màu vụ Đông 2017 giảm sâu, kéo theo kết quả sản xuất vụ Đông Xuân 2017 giảm so với cùng kỳ, đặc biệt là các cây trồng không ưa ẩm như lạc, đậu tương.

Tính đến cuối tháng XII, các địa phương phía Bắc gieo trồng được 106,6 nghìn ha ngô; 20,7 nghìn ha khoai lang; 7,9 nghìn ha đậu tương, 6,4 nghìn ha lạc, và 172,8 nghìn ha rau, đậu các loại.

+ Cây ngô: Diện tích ngô cả năm ước đạt 1,1 triệu ha. Do không bị ảnh hưởng khô hạn nên năng suất ngô cả năm ước đạt 46,7 tạ/ha, tăng 1,1 tạ/ha. Một số diện tích ngô vụ đông tại các tỉnh giảm do mưa nhiều gây ngập úng như Sơn La, Đắk Lắk, Đồng Nai giảm, Gia Lai, Nghệ An, Thanh Hóa...

+ Cả nước gieo trồng được 121,8 nghìn ha, năng suất ước đạt 110,9 tạ/ha, tăng 5,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 1350,8 nghìn tấn. Diện tích khoai lang giảm tại nhiều tỉnh phía Bắc do ảnh hưởng của mưa lũ.

+ Diện tích sắn 2017 đạt 534,6 nghìn ha, năng suất ước đạt 193,4 tạ/ha, sản lượng ước đạt 10,3 triệu tấn. Diện tích sắn giảm do lo ngại sâu bệnh lây lan từ vụ trước

+ Diện tích đậu tương cả nước đạt 68,5 nghìn ha, năng suất đạt 14,9 tạ/ha. Lạc gieo trồng được 195,3 nghìn ha, sản lượng ước đạt 461,5 nghìn tấn. Diện

tích cây đậu tương, lạc giảm chủ yếu trong vụ đông và vụ mùa do thời tiết mưa nhiều nên một số diện tích không gieo trồng được

+ Rau, đậu các loại: Năm 2017, diện tích gieo trồng rau các loại ước đạt 937,3 nghìn ha, sản lượng rau ước đạt 16,5 triệu tấn. Diện tích đậu các loại ước đạt 149,5 nghìn ha, sản lượng ước đạt 162,3 nghìn tấn. Diện tích đậu các loại kém hơn cùng kỳ do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều, không thể gieo trồng

Lạc tại Yên Định đã thu hoạch

Chè lớn ở Mộc Châu sinh trưởng kém, độ ẩm đất trung bình. Chè lớn ở Phú Hộ, Ba Vì ngừng sinh trưởng.

Cà phê ở Tây Nguyên ra nụ, sinh trưởng tốt, đất ẩm trung bình. Ở Xuân Lộc cà phê đâm chồi, sinh trưởng trung bình, độ ẩm đất tương đối khô (bảng 1)

3. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo Vệ thực vật, trong tháng 12 diện tích lúa bị nhiễm bệnh do sinh vật gây hại như (rầy nâu hại lúa, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá..) giảm so với kỳ trước, song 1 số bệnh như bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt, chuột có dấu hiệu tăng mạnh. Phần lớn các loại dịch hại này tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Nam và 1 số tỉnh ở Bắc Bộ. Diện tích lúa bị nhiễm dịch hại như sau.

- Rầy hại lúa: Diện tích nhiễm 28.670 ha, nặng 3.093 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá: Diện tích nhiễm 421 ha. Tập trung tại các tỉnh Long An, Đồng Tháp, Hậu Giang, Bạc Liêu.

- Bệnh đạo ôn hại lá: Diện tích nhiễm 5.890 ha, nặng 04 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Diện tích nhiễm 6.097 ha, nặng 16 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm 792 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh bạc lá: Diện tích nhiễm 13.245 ha, nặng 167 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang.

- Bệnh khô vằn: Diện tích nhiễm 4.367 ha, Phân bố tại tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bình Phước.

Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 8.214 ha, nặng 53 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp.

- Chuột: Diện tích hại 4.373 ha, nặng 05 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau.

- Ốc bươu vàng: Diện tích hại 4.725 ha, nặng 05 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Sóc Trăng, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hậu Giang.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG I-III NĂM 2018

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ mùa I-III năm 2018 được dự báo có khả năng cao hơn TBNN từ 0 đến 1,5°C trên đa phần diện tích cả nước; từ thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở Đông Bắc và Đồng Bằng Bắc Bộ với xác suất từ 55 đến trên 77%

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa mùa I - III năm 2018 có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên hầu hết diện tích cả nước, với xác suất 55 đến 77. Chuẩn sai lượng mưa mùa phổ biến từ 0 đến 200 mm trên đa phần diện tích cả nước.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Không khí lạnh: Số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta trong mùa I – III năm 2018 có khả năng ở mức TBNN. Tuy nhiên, nhiều khả năng xuất hiện những đợt KKL có cường độ mạnh gây rét đậm, rét hại trong khoảng thời gian từ tháng I đến giữa tháng II năm 2018;

Điều kiện khô hạn: Cần thực hiện các giải pháp phòng chống khô hạn ở khu vực Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ trong mùa I – III năm 2018

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng XII và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng I/2018 và dự báo khí hậu 3 tháng I, II, III/2018 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường chăm sóc, có các biện pháp phòng chống rét bảo vệ mạ xuân đã gieo.

- Không cấy lúa xuân và gieo trồng hoa màu, cây công nghiệp khi nhiệt độ dưới 15°C.

- Chủ động phòng chống rét cho đàn gia súc, gia cầm.

- Có biện pháp giữ nước để tưới tiêu, chống hạn cho các cây trồng vụ đông.

2. Miền Trung:

- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;

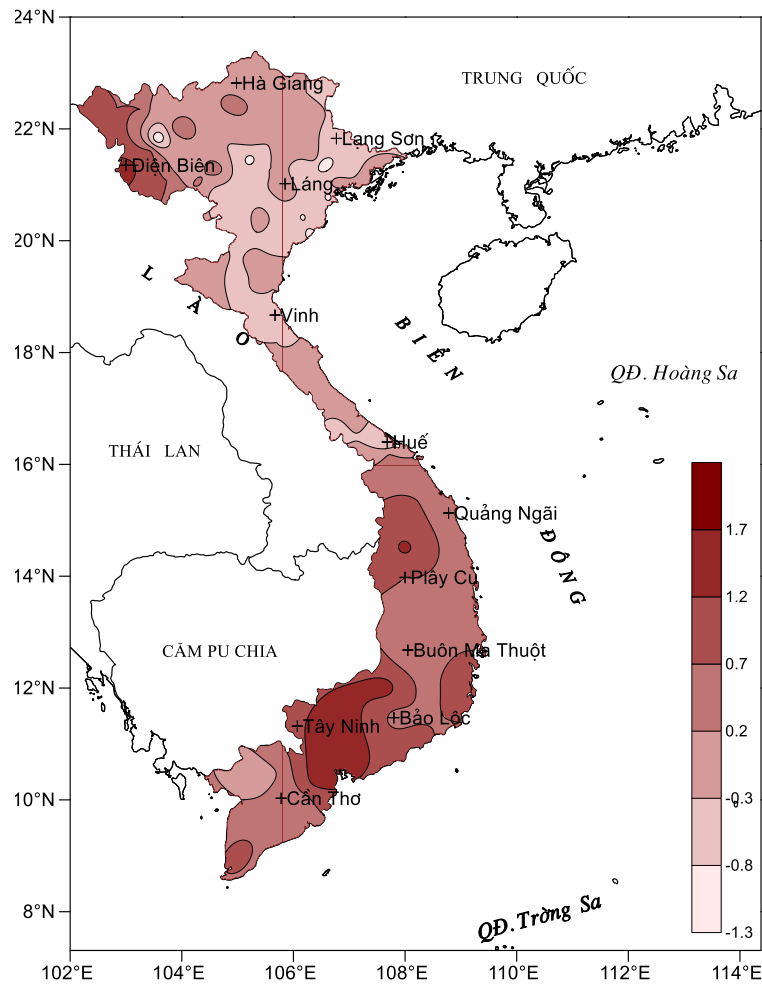
- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.

3. Miền Nam:

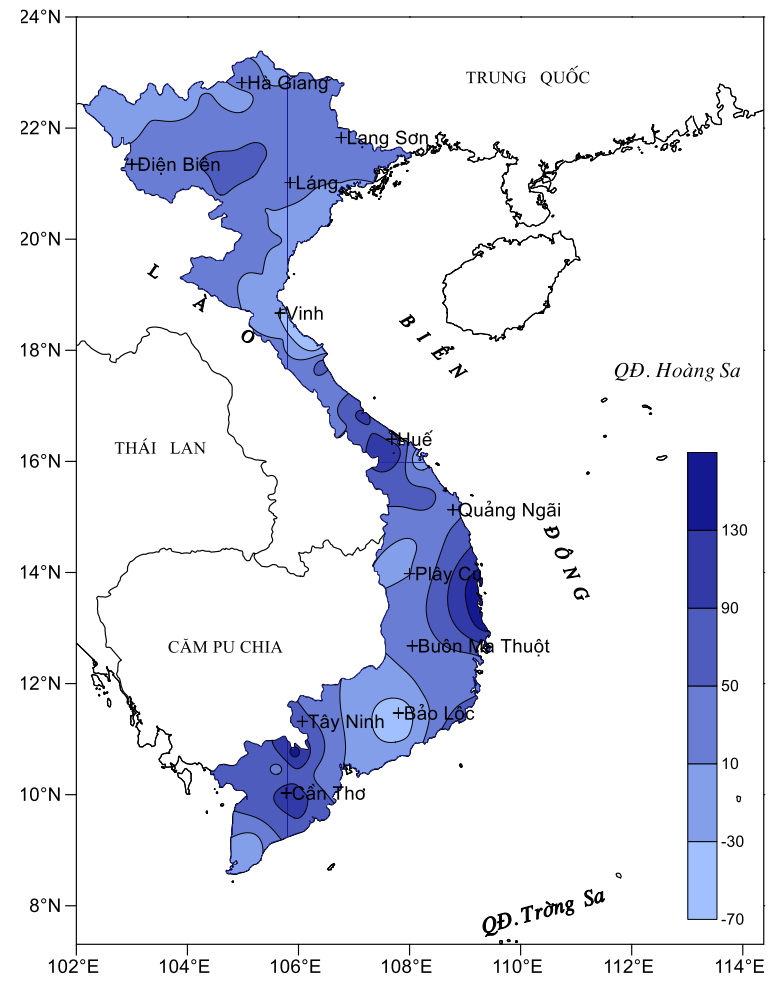
- Làm thủy lợi nội đồng sau khi đã thu hoạch xong lúa mùa.
- Tăng cường các biện pháp phòng chống hạn, xâm nhập mặn.
- Tập trung chăm sóc lúa mùa.
- Trồng ngô, lạc, đậu xuân từ trung tuần tháng giêng.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

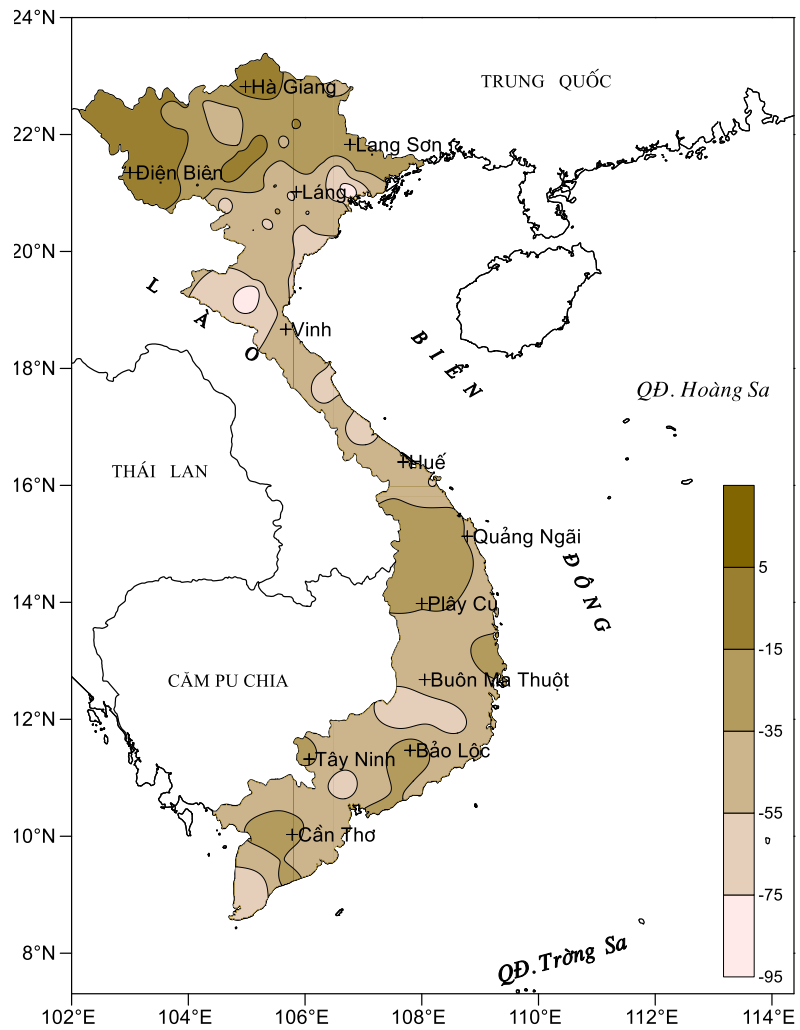
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng I, II, III năm 2018;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng I năm 2018 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng XII năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



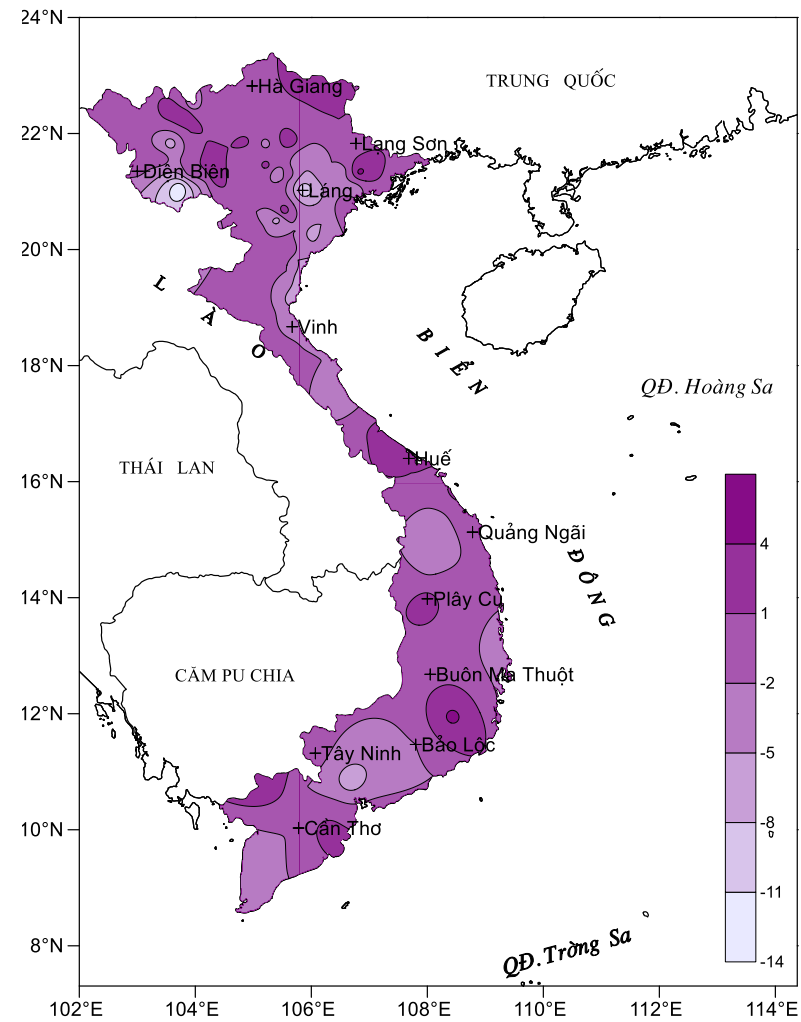
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng XII/2017 so với TBNN (°C)



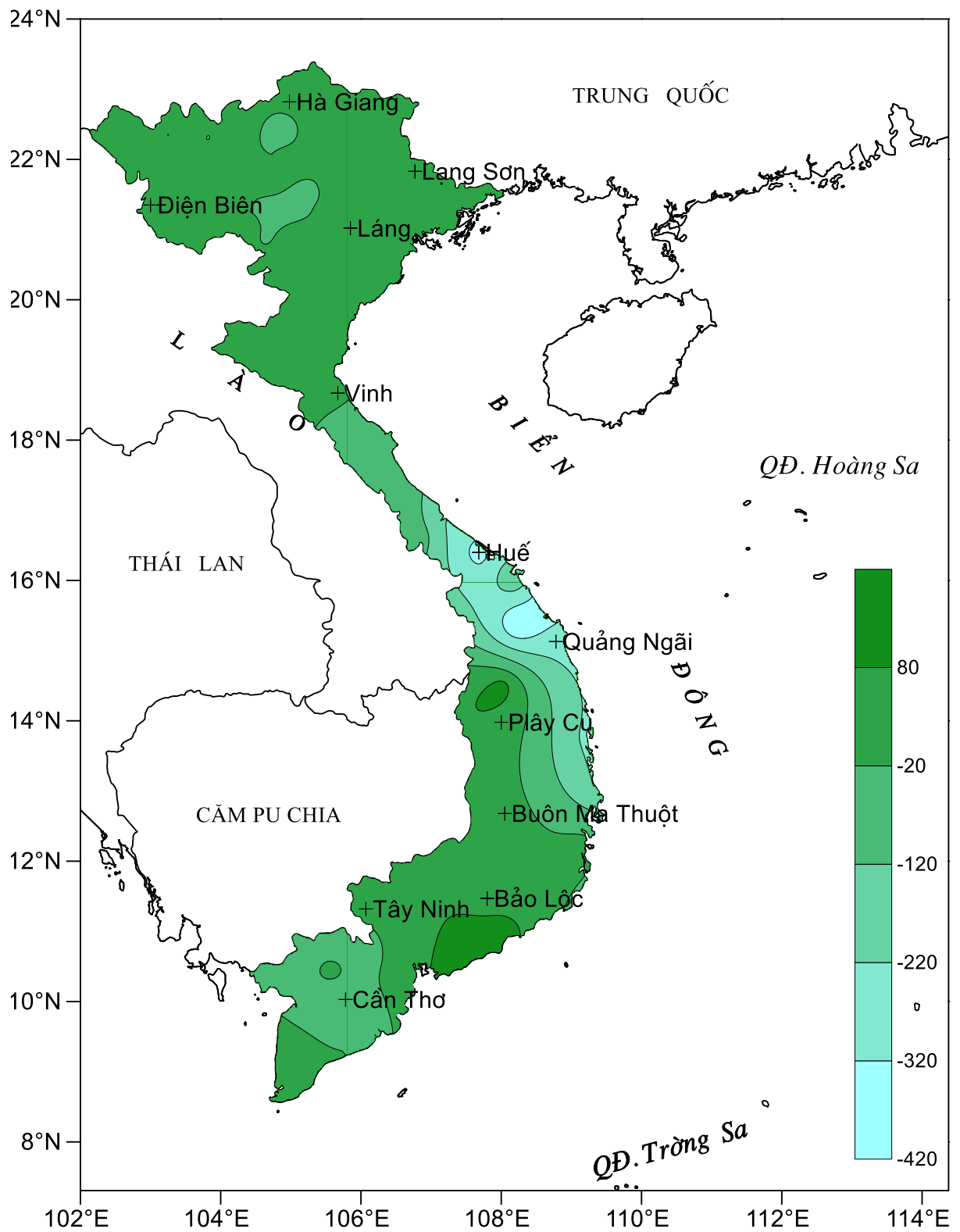
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng XII/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng XII/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng XII/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng XII/2017 (mm)